

Số: /QĐ-BĐDHĐQT

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh năm 2022 cho Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố

### TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;*

*Căn cứ Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 1677/TTr-NHCSBĐ ngày 19/10/2022 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3043/STC-TCHCSN ngày 17/10/2022, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2156/SKHĐT-KGVX ngày 14/10/2022 và của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3608/SLĐT BXH-VLGDNN ngày 18/10/2022).*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh năm 2022 cho Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND các huyện và trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 được điều chỉnh tại Quyết định này cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Lâm Hải Giang;
- Các TV BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K20.

**TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC**

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ỦY THÁC QUA CHI NHÁNH NHCSXH TỈNH NĂM 2022 CỦA CÁC PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD HĐQT ngày /11/2022 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Bình Định*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Quy Nhơn	Tuy Phước	Vân Canh	An Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	An Lão
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ năm 2022 đã thông báo</b>	<b>363.818,6</b>	<b>47.186,6</b>	<b>29.947,0</b>	<b>17.008,0</b>	<b>56.422,0</b>	<b>37.631,0</b>	<b>12.968,0</b>	<b>31.226,0</b>	<b>25.978,0</b>	<b>56.779,0</b>	<b>34.938,0</b>	<b>13.735,0</b>
1	Cho vay hộ nghèo	994,0	-	-	-	-	-	117,0	-	157,0	60,0	-	660,0
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	337.978,6	42.368,6	28.110,0	16.704,0	54.970,0	33.805,0	12.751,0	29.510,0	23.941,0	52.422,0	30.422,0	12.975,0
3	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	24.846,0	4.818,0	1.837,0	304,0	1.452,0	3.826,0	100,0	1.716,0	1.880,0	4.297,0	4.516,0	100,0
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tín dụng năm 2022</b>	<b>363.818,6</b>	<b>47.216,6</b>	<b>29.947,0</b>	<b>17.008,0</b>	<b>56.422,0</b>	<b>37.531,0</b>	<b>13.098,0</b>	<b>31.226,0</b>	<b>25.998,0</b>	<b>56.679,0</b>	<b>34.938,0</b>	<b>13.755,0</b>
1	Cho vay hộ nghèo	864,0	-	-	-	-	-	117,0	-	157,0	60,0	-	530,0
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	341.978,6	42.768,6	28.310,0	16.954,0	55.470,0	34.205,0	12.851,0	29.510,0	24.241,0	52.822,0	31.622,0	13.225,0
3	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	20.976,0	4.448,0	1.637,0	54,0	952,0	3.326,0	130,0	1.716,0	1.600,0	3.797,0	3.316,0	-
<b>III</b>	<b>Tăng, giảm so kế hoạch đã thông báo</b>	<b>-</b>	<b>30,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-100,0</b>	<b>130,0</b>	<b>-</b>	<b>20,0</b>	<b>-100,0</b>	<b>-</b>	<b>20,0</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-130,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-130,0
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	4.000,0	400,0	200,0	250,0	500,0	400,0	100,0		300,0	400,0	1.200,0	250,0
3	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	-3.870,0	-370,0	-200,0	-250,0	-500,0	-500,0	30,0		-280,0	-500,0	-1.200,0	-100,0